

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2020/DS-ST

Ngày: 11/9/2020

“*V/v Tranh chấp hợp*

đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tân Thúc

Ông Trần Đức Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thi Thị Hoàng Yến là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:* Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-DS ngày 28/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN; Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T- Sinh năm 1982 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC; Địa chỉ: Tầng 4, số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Văn bản ủy quyền số 174/2019/UQ- VPB ngày 02/12/2019. Ông T có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm: 1972 và bà Dương Thị H, sinh năm 1980; Cùng trú tại: K402/57 Trường Chinh, tổ 38 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Ông T, bà H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN bản tự khai đề ngày 11/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có cho ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015 với các nội dung cụ thể như sau:
 - Số tiền vay: 600.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng)
 - Thời hạn vay: 120 tháng.
 - Các kỳ hạn trả nợ: Lãi và gốc trả hàng tháng vào ngày 11 của tháng.
 - Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình.
 - Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 11%/Năm Mức lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01,01/04,01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh bằng: lãi suất bán vốn bên ngân hàng cộng biên độ 2,3%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
 - Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 1/số: 3903303 ngày 11/7/2015.

Đối với Hợp đồng tín dụng này ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền gốc:

185.833.857đ, tiền lãi: 126.241.508đ.

- Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 với các nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 120 tháng.
- Các kỳ hạn trả nợ: Lãi và gốc trả hàng tháng vào ngày 11 của tháng.
- Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình.
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 11%/Năm Mức lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01,01/04,01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh bằng: lãi suất bán vốn bên ngân hàng cộng biên độ 2,3%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
- Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 01/số: 4454212 ngày 08/9/2015.

Đối với Hợp đồng tín dụng này ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền gốc: 31.654.000đ, tiền lãi: 29.101.867đ.

- Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 với các nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 120 tháng.
- Các kỳ hạn trả nợ: Lãi và gốc trả hàng tháng vào ngày 18 của tháng.
- Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị nội thất.
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 12%/Năm Mức lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01,01/04,01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh bằng: lãi suất bán vốn bên ngân hàng cộng biên độ 4%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
- Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H toàn bộ số tiền 99.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 01/số: 6614454 ngày 18/3/2016.

Đối với Hợp đồng tín dụng này ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền gốc: 26.400.000đ, tiền lãi: 28.510.041đ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa số 1732, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H (có Giấy chứng nhận số W499177, số vào sổ cấp GCN: 08943 QSĐĐ/5763/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số 8185 ký ngày 10/7/2015 tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng. Đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã chuyển quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Vì vậy, không còn cách nào khác, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi nêu trên và khởi kiện ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H ra Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để thu hồi trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ vay.

Tạm tính đến ngày 11/5/2020, ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H còn nợ VPBank theo các Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là:

Số tt	Số HĐTD	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Tổng
01	HĐTD số 3903303	473.758.492	124.973.058	598.731.550
02	HĐTD số 4454212	68.346.000	16.344.589	84.690.588
03	HĐTD số 6614454	72.600.000	19.943.769	92.543.769
	Tổng cộng	614.704.492	161.261.416	775.965.907

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 11/5/2020, khoản tiền này là:

Số tt	Số HĐTD	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Tổng
01	HĐTD số 3903303	473.758.492	124.973.058	598.731.550
02	HĐTD số 4454212	68.346.000	16.344.589	84.690.588
03	HĐTD số 6614454	72.600.000	19.943.769	92.543.769
	Tổng cộng	614.704.492	161.261.416	775.965.907

(Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm lẻ bảy đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/5/2020 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

- Trường hợp ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền tự xử lý Tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa số 1732, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H (có Giấy chứng nhận số W499177, số vào sổ cấp GCN: 08943 QSDĐ/5763/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004).

Đối với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2020 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN không có ý kiến gì.

* Tại bản tự khai đề ngày 25/5/2020, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H trình bày:

Vợ chồng ông bà có ký kết 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015 vợ chồng ông bà vay số tiền 600.000.000 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 vợ chồng ông bà vay số tiền 100.000.000 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 vợ chồng ông bà vay số tiền 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông bà có thể chấp tài sản là toàn bộ nhà và đất tại thửa số 1732, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H (có Giấy chứng nhận số W499177, sổ vào sổ cấp GCN: 08943 QSDĐ/5763/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004) theo Hợp đồng thế chấp số 8185 ký ngày 10/7/2015 tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2020 thì bà Dương Thị H không có ý kiến gì.

Tính đến ngày 11/5/2020, vợ chồng ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H xác nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN tổng số tiền của 03 Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể:

Số tt	Số HĐTD	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Tổng
01	HĐTD số 3903303	473.758.492	124.973.058	598.731.550
02	HĐTD số 4454212	68.346.000	16.344.589	84.690.588
03	HĐTD số 6614454	72.600.000	19.943.769	92.543.769
	Tổng cộng	614.704.492	161.261.416	775.965.907

Đối với số tiền nợ trên, vợ chồng ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H mong Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà trả số tiền nợ và gốc trên trong vòng 90 ngày kể từ ngày 25/5/2020 cho đến khi hết số tiền gốc và lãi nêu trên và kể cả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2020 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019 thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015, Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 với mục đích vay là vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại tổ 38 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng

Thương mại Cổ phần VN và ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi:

[2.1.1] Giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H có ký kết các Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015, Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 với mục đích vay là vay tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình với tổng số tiền gốc là 799.000.000đ (Bảy trăm chín mươi chín triệu đồng y) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015, Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016, Khế ước nhận nợ số 4454212 ngày 08/9/2015, Khế ước nhận nợ số 6614454 ngày 18/3/2016, Khế ước nhận nợ số 3903303 ngày 11/7/2015 là có cơ sở để xác định ông T, bà H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN.

[2.1.2] Theo khế ước nhận nợ số 3903303 ngày 11/7/2015 thì thời hạn vay số tiền 600.000.000đ là 120 tháng từ ngày 11/7/2015 đến ngày 11/7/2025. Theo khế ước nhận nợ số 6614454 ngày 18/3/2016 thì thời hạn vay số tiền 100.000.000đ là 120 tháng từ ngày 18/3/2016 đến ngày 18/3/2026. Theo khế ước nhận nợ số 4454212 ngày 08/9/2015 thì thời hạn vay số tiền 100.000.000đ là 120 tháng từ ngày 08/9/2015 đến ngày 08/9/2025.

Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết đã ký kết. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông T, bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng hạn hàng tháng. Tuy các khoản vay trên chưa đến hạn, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà H đã vi phạm phân kỳ trả nợ. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN đã khởi kiện ông T, bà H thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận

của hai bên quy định điểm a khoản 1 Điều 6 của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN tổng số tiền là 775.965.907đ, trong đó: nợ gốc: 614.704.492đ, nợ lãi: 161.261.416 (tạm tính đến ngày 11/5/2020). Cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015 tổng số tiền là: 598.731.550đ. Trong đó dư nợ gốc: 473.758.492, dư nợ lãi: 124.973.058. Đối với Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 tổng số tiền là: 84.690.588đ. Trong đó dư nợ gốc: 68.346.000đ, dư nợ lãi: 16.344.588đ. Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 tổng số tiền là: 92.543.769đ. Trong đó dư nợ gốc: 72.600.000đ, dư nợ lãi: 19.943.769đ.

HĐXX xét thấy: bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN. Do đó yêu cầu của Ngân hàng VPBank về việc buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải thanh toán tổng số tiền là 775.965.907đ, trong đó: nợ gốc: 614.704.492đ, nợ lãi: 161.261.416đ (tạm tính đến ngày 11/5/2020) và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày 11/5/2020 cho đến khi ông T, bà H trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong 03 Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015, Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.1] Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H đối với các khoản vay tại Ngân hàng, ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H đã thế chấp tài sản tài sản là toàn bộ nhà và đất tại thửa số 1732, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H (có Giấy chứng nhận số W499177, sổ vào sổ cấp GCN: 08943 QSDĐ/5763/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004) theo Hợp đồng thế chấp số 8185 ký ngày 10/7/2015 tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng. Hợp đồng thế

chấp này được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng theo quy định, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Cẩm Lệ nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự.

[2.2.2] Tại biên bản ghi kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2020 thể hiện tài sản thế chấp gồm nhà và đất, cụ thể:

Về đất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1732, tờ bản đồ số 7, diện tích 134,96m², mục đích sử dụng là đất ở tọa lạc ở địa chỉ: K402/57 Trường Chinh, tổ 38 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W499177 do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004 đứng tên ông Nguyễn Hùng T, có tứ cận như sau: Phía trước nhìn từ trong ra giáp đường kiệt Bê tông, phía bên phải giáp nhà dân, phía bên trái giáp nhà dân, phía sau giáp nhà dân.

Về nhà: trên đất có nhà được xây dựng vào năm 2004 và đã được sửa chữa vào năm 2015. Căn nhà 02 tầng với kết cấu tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men, diện tích xây dựng là 134,96m², diện tích sử dụng ước tính 192,96m².

Trong hợp đồng thế chấp không có nội dung thế chấp phần nhà là do ông Dương Hùng T, bà Nguyễn Thị H chưa cấp đổi nhà trên đất nên chưa được ghi nhận quyền sở hữu nhà vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên theo quy định điểm e khoản 2 Điều 5 Hợp đồng thế chấp ngày 10/7/2015 thì bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp và đều đảm bảo cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp ngày 10/7/2015 giữa Ngân hàng VP Bank và ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H. Hiện tại trong ngôi nhà trên có vợ chồng ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H và 02 con chưa đủ 18 tuổi đang sinh sống.

[2.2.3] Do đó, trong trường hợp ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1732, tờ bản đồ số 7, diện tích 134,96m², mục đích sử dụng là đất ở tọa lạc ở địa chỉ: K402/57 Trường Chinh, tổ 38 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W499177 do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004 đứng tên ông

Nguyễn Hùng T, có tứ cận như sau: Phía trước nhìn từ trong ra giáp đường kiệt Bê tông, phía bên phải giáp nhà dân, phía bên trái giáp nhà dân, phía sau giáp nhà dân và căn nhà 02 tầng với kết cấu tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men, diện tích xây dựng là 134,96m², diện tích sử dụng ước tính 192,96m² được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng VP Bank, ông Nguyễn Hùng T và bà Dương Thị H phải bàn giao tài sản thế chấp để xử lý theo quy định tại các Điều 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.038.636 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VN 2.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H.

2. Buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền là 775.965.907đ, trong đó: nợ gốc: 614.704.492đ, nợ lãi: 161.261.416đ (tạm tính đến ngày 11/5/2020). Cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 3903303 ngày 10/7/2015 tổng số tiền là: 598.731.550đ. Trong đó dư nợ gốc: 473.758.492đ, dư nợ lãi: 124.973.058đ. Đối với Hợp đồng tín dụng số 4454212 ngày 08/9/2015 tổng số tiền là: 84.690.588đ. Trong đó dư nợ gốc: 68.346.000đ, dư nợ lãi: 16.344.588đ. Hợp đồng tín dụng số 6614454 ngày 18/3/2016 tổng số tiền là: 92.543.769đ. Trong đó dư nợ gốc: 72.600.000đ, dư nợ lãi: 19.943.769đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/5/2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1732, tờ bản đồ số 7, diện tích 134,96m², mục đích sử dụng là đất ở tọa lạc ở địa chỉ: K402/57 Trường Chinh, tổ 38 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W499177 do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/7/2004 đứng tên ông Nguyễn Hùng T, có tứ cận như sau: Phía trước nhìn từ trong ra giáp đường kiệt Bê tông, phía bên phải giáp nhà dân, phía bên trái giáp nhà dân, phía sau giáp nhà dân và căn

nhà 02 tầng với kết cấu tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men, diện tích xây dựng là 134,96m², diện tích sử dụng ước tính 192,96m được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.038.636 đồng(Ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí 15.784.213đ đồng (Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm mười ba đồng) theo biên lai thu số 0000884 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí thẩm định giá tài sản:

Buộc ông Nguyễn Hùng T, bà Dương Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhậm:

- VKSND q. Cẩm Lệ;

- CCTHADS q. Cẩm Lệ;

- Dương sự;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Quyên

Lê Thị Ngọc Quyên

